

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v công khai thực hiện dự toán thu, chi Ngân sách 6 tháng cuối năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH GIÓT**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC về hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Phụ trách Kế toán nhà trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước 6 tháng cuối năm 2024 của trường THPT Phan Đình Giót (có biểu chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao Phụ trách Kế toán tổ chức thực hiện công khai theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Các tổ và Phụ trách Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Thành Luân**

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Phan Đình Giót công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm 2024 | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                                | 3                | 4                              | 5                                   | 6                                                                     |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                       |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 19.806,523       | 11.591,414                     |                                     |                                                                       |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 15.556,050       | 9.441,621                      | 61%                                 | 137%                                                                  |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 4.250,473        | 2.149,793                      | 51%                                 | 143%                                                                  |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                  |                                |                                     |                                                                       |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                               |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                  |                                |                                     |                                                                       |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                  |                                |                                     |                                                                       |

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm 2024 | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                  |                                |                                     |                                                                |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                  |                                |                                     |                                                                |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |                  |                                |                                     |                                                                |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |                  |                                |                                     |                                                                |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |                  |                                |                                     |                                                                |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |                  |                                |                                     |                                                                |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                  |                                |                                     |                                                                |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                  |                                |                                     |                                                                |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                  |                                |                                     |                                                                |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                  |                                |                                     |                                                                |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                  |                                |                                     |                                                                |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                  |                                |                                     |                                                                |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                  |                                |                                     |                                                                |

Điện Biên Phủ, ngày 12 tháng 2 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thành Luân